

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 17/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 21/5/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Nhật

2. Bà Trần Thị Hương Ly

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Kim Thị Thanh Thúy - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên: Ông
Hoàng Văn Thùy, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mã Văn L, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Xóm LL, xã TN, huyện VN, tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị Thào Thị S, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Xóm LL, xã TN, huyện VN, tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Khuông Thanh Đ – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Mã Văn L trình bày: Anh và chị Thào Thị S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau năm 2018 tại UBND xã BT, huyện PN, tỉnh BK. Quá trình chung sống anh

chị có 02 con chung là cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng cháu không đi lại được, cháu chỉ nằm một chỗ và cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020. Về tài sản chung và khoản nợ chung không có. Về nguyên nhân ly hôn: Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, sau một thời gian chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung, đến tháng 4 năm 2023 chị S bỏ về bên ngoại, sau đó đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh. Anh đã đi tìm và thấy chị S có người đàn ông khác và từ tháng 4 năm 2023 đến nay chị S không về thăm con và cũng không quan tâm đến anh và con, chị S cũng không đóng góp gì nuôi con. Một mình anh phải tự lao động kiếm sống để chăm sóc các con. Nay anh L nhận thấy không còn tình cảm với chị Thào Thị S nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con là cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng cháu T bị liệt và không đi lại được chỉ nằm một chỗ và cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020. Bởi vì từ tháng 4 năm 2023 chị S không về thăm con và cũng không chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi anh đề nghị chị S phải cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một tháng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Mã Văn L nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay chị Thào Thị S trình bày: Chị và anh L kết hôn năm 2018 tại UBND xã BT, huyện PN, tỉnh BK. Trong quá trình chung sống từ lúc chị về làm dâu, chị thường xuyên bị anh L đánh đập, mặc dù hai gia đình nội ngoại cũng đã phân tích nhưng vợ chồng sống không hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2023 chị đã bỏ đi về bên ngoại và đi làm các công ty để kiếm tiền nuôi bản thân. Đến ngày 06/5/2024 chị được anh em nhà thông tin anh L có người phụ nữ khác và được chính quyền địa phương thông tin anh L làm đơn xin ly hôn chị.

Nay anh L đề nghị được ly hôn chị. Về con chung: Anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con là cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng cháu T bị liệt và không đi lại được chỉ nằm một chỗ và cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020. Về cấp dưỡng nuôi anh L đề nghị chị phải cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một tháng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không nhất trí.

Tại phiên tòa hôm nay chị đề nghị: Chị nhất trí ly hôn; Về con chung: Chị có nguyện vọng nuôi cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020. Anh L có trách

nhệm nuôi cháu Mã Văn T, sinh ngày 30/01/2019 bị tàn tật nặng và không đi lại được. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và khoản nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu anh L không đáp ứng các yêu cầu trên của chị thì chị S đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã xác minh và triệu tập chị S nhưng chị S không có mặt nên Tòa án không tiến hành lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải được. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đến ngày 13/5/2024 chị S trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai gửi đơn với nội dung “ Đơn xin khởi kiện ly hôn và chia tài sản” và trình bày ý kiến của chị S yêu cầu giải quyết về tài sản.

Kết thúc phần hỏi vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử nguyên đơn và bị đơn đều có mặt.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 235, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 53; 56, 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Mã Văn L, cho anh L được ly hôn với chị Thào Thị S. Về con chung: Giao cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng và cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để đảm bảo cho các cháu có môi trường chăm sóc nuôi dưỡng tốt hơn. Về cấp dưỡng nuôi con chị S phải cấp dưỡng cho hai cháu mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một tháng. Chị S có quyền đi lại thăm con chung; Về tài sản chung: Không giải quyết trong vụ án này bởi vì trước khi tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị Thào Thị S không có yêu cầu phản tố và không có yêu cầu độc lập, Bởi vậy việc chị S yêu cầu giải quyết về tài sản chung chị S phải làm đơn gửi đến tòa giải quyết bằng một vụ án khác. Về khoản nợ chung: Không có không xem xét giải quyết. Về án phí anh L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh Mã văn L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình cảm vợ chồng của anh L và cho anh L được ly hôn chị S về con chung ; tài sản và khoản nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nguyên vọng của anh Mã Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng:** Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

[2] **Về nội dung:** Anh Mã Văn L và chị S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau năm 2018 tại UBND xã BT, huyện PN, tỉnh BK trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân xin ly hôn là quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, sau một thời gian chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã và dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, không có tiếng nói chung, chị S bỏ về bên ngoại, sau đó đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh. Từ tháng 4 năm 2023 đến nay chị S không về thăm con và cũng không quan tâm đến anh và con, chị S cũng không đóng góp gì nuôi con. Nay anh L thấy không còn tình cảm với chị Thảo Thị S nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Anh L và chị S có hai con chung là cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng cháu không đi lại được mà chỉ nằm một chỗ và cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020 thì phát triển bình thường. Tại phiên tòa anh L có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu. Chị S có nguyện vọng được nuôi cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020. Nhưng quá trình xét hỏi tại phiên tòa chị S thừa nhận chị đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2003 đến nay chị không quan tâm chăm sóc và nuôi dưỡng các con và chị cũng không có nhà ở vì vậy Hội đồng xét xử xem xét cần giao hai con chung là cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng cháu không đi lại được mà chỉ nằm một chỗ và cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020 theo như nguyện vọng của anh L để đảm bảo môi trường giáo dục, chăm sóc phát triển của con trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị S phải cấp dưỡng cho cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng 1.000.000đồng (một triệu đồng) một tháng cho đến khi có sự thay đổi khác. Và cấp dưỡng nuôi cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020 là 1.000.000đồng (một triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này vì trước khi tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị Thào Thị S không có yêu cầu phản tố và không có yêu cầu độc lập.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì không có nợ chung.

Về án phí: Anh L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 235, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 53; 56; 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Mã Văn L, cho anh Mã Văn L được ly hôn chị Thào Thị S.

2. Về con chung: Giao cho anh Mã Văn L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng cháu không đi lại được mà chỉ nằm một chỗ cho đến khi có sự thay đổi khác và cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020 đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Buộc chị S phải cấp dưỡng cho cháu Mã Xuân T, sinh ngày 30/01/2019 bị khuyết tật từ nhỏ mức độ khuyết tật đặc biệt nặng 1.000.000đồng (một triệu đồng) một tháng cho đến khi có sự thay đổi khác kể từ ngày tuyên án. Và cấp dưỡng nuôi cháu Mã Văn Bình A, sinh ngày 23/6/2020 là 1.000.000đồng (một triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Mã Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Thào Thị S không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị S còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi xuất.

- **Về quyền đi lại thăm con chung:** Chị Thào Thị S có quyền đi lại thăm con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì anh L không yêu cầu.

4. Về Án phí: Anh Mã Văn L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006527 ngày 03/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Huyền

